

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 84/2014/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2014

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 9
	Ngày: ... 09/9 ...

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết một số điều
của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí về công khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; xử lý thông tin phát hiện lãng phí và biện pháp bảo vệ người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí; thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; bồi thường thiệt hại trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; xác định và sử dụng nguồn tiền thưởng từ thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước.

2. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên.

3. Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân khác.

Điều 3. Trách nhiệm phối hợp trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và người đứng đầu cơ quan, tổ chức khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức việc phối hợp trong phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý và phối hợp giữa các cấp, các ngành để nâng cao hiệu quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức và thực hiện việc phối hợp giữa các bộ phận trong cơ quan, tổ chức trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1 CÔNG KHAI THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Điều 4. Nội dung, nguyên tắc thực hiện công khai

1. Nội dung công khai thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định pháp luật có liên quan đến yêu cầu thực hiện công khai. Trường hợp nội dung công khai có liên quan đến bí mật nhà nước thì thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Nguyên tắc thực hiện công khai:

a) Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin phải công khai và phù hợp với đối tượng tiếp nhận thông tin công khai;

b) Cập nhật thường xuyên các thông tin đã công khai;

c) Tuân thủ đầy đủ các quy định về nội dung, thời hạn và hình thức công khai.

3. Công khai về hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí phải có đủ các nội dung sau:

a) Tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức có hành vi lãng phí;

b) Hành vi lãng phí; biện pháp đã xử lý đối với người có hành vi lãng phí.

Điều 5. Hình thức công khai

1. Hình thức công khai thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định của pháp luật có liên quan đến yêu cầu thực hiện công khai.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm lựa chọn hình thức công khai phù hợp với nội dung công khai, đối tượng công khai; tổ chức thực hiện việc công khai trong phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý. Trong trường hợp pháp luật liên quan có quy định bắt buộc về hình thức công khai thì phải áp dụng hình thức công khai đó.

3. Tùy theo quy mô cơ quan, tổ chức, phạm vi ảnh hưởng của lĩnh vực, địa bàn hoạt động, việc công khai Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kết quả thực hành tiết kiệm; hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí thực hiện theo một trong các hình thức sau:

a) Công bố tại cuộc họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức;

b) Đưa lên Trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử (nếu có) của cơ quan, tổ chức;

c) Thông báo trên các ấn phẩm báo chí của cơ quan, tổ chức hoặc trên phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 6. Thời điểm công khai

1. Thời điểm công khai đối với các lĩnh vực quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, h, i Khoản 2 Điều 5 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thời điểm công khai đối với lĩnh vực quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 5 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện như sau:

a) Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kết quả thực hành tiết kiệm được công khai chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày Chương trình, Báo cáo được ban hành;

b) Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí phải được công khai chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý.

Mục 2
XỬ LÝ THÔNG TIN PHÁT HIỆN LÃNG PHÍ VÀ BIỆN PHÁP BẢO VỆ
NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN PHÁT HIỆN LÃNG PHÍ

Điều 7. Trách nhiệm xử lý thông tin phát hiện lãng phí của người đứng đầu cơ quan, tổ chức

1. Khi nhận được thông tin phát hiện lãng phí thuộc thẩm quyền giải quyết, người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi nhận được thông tin có trách nhiệm chỉ đạo kiểm tra, xác minh, làm rõ thông tin, hành vi lãng phí và thiệt hại do hành vi lãng phí gây ra (nếu có). Trường hợp không thuộc thẩm quyền giải quyết thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin phát hiện lãng phí phải chuyển đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để xác minh, xử lý.

2. Việc xác minh thông tin phát hiện lãng phí bao gồm:

- a) Tình hình quản lý, sử dụng tiền, tài sản, lao động có liên quan đến thông tin phát hiện lãng phí tại cơ quan, tổ chức;
- b) Làm rõ sự việc lãng phí theo thông tin phát hiện;
- c) Xác định hành vi lãng phí, mức độ lãng phí.

3. Căn cứ kết quả xác minh:

a) Trường hợp có lãng phí xảy ra, người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi để xảy ra lãng phí có trách nhiệm thực hiện ngay các biện pháp ngăn chặn, khắc phục; xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý sai phạm và thông báo công khai kết quả xử lý hành vi lãng phí; thực hiện giải trình trước cơ quan chức năng về việc để xảy ra lãng phí.

Thời hạn xử lý không quá 90 ngày kể từ ngày nhận được thông tin phát hiện lãng phí; trường hợp cần thiết có thể gia hạn xử lý thông tin một lần nhưng không quá 30 ngày, đối với nội dung phức tạp thì không quá 60 ngày.

b) Trường hợp chưa có cơ sở để xác định có lãng phí xảy ra hoặc thông tin không đúng sự thật thì trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xác minh, cơ quan, tổ chức nơi tiếp nhận thông tin phát hiện lãng phí có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí khi có yêu cầu.

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm trong việc tiếp nhận, xử lý thông tin phát hiện lãng phí không thực hiện, thực hiện không đúng quy định của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo mức độ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Trường hợp do chậm ngăn chặn, khắc phục để tiếp tục xảy ra lãng phí gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật về xử lý trách nhiệm vật chất đối với cán bộ, công chức hoặc pháp luật về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức.

Điều 8. Trách nhiệm xử lý thông tin phát hiện lãng phí của cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp

Cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp khi nhận được thông tin phát hiện lãng phí có trách nhiệm:

1. Yêu cầu, chỉ đạo người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi có phát hiện để xảy ra lãng phí:

- a) Tổ chức kiểm tra, xác minh làm rõ thông tin phát hiện lãng phí;
- b) Áp dụng biện pháp ngăn chặn, khắc phục hành vi lãng phí; xử lý hành vi lãng phí và báo cáo kết quả xử lý (nếu có);
- c) Giải trình về việc để xảy ra lãng phí tại cơ quan, tổ chức;
- d) Bảo vệ người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí theo thẩm quyền.

2. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, kiểm toán theo thẩm quyền để kịp thời ngăn chặn, xử lý hành vi lãng phí.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí

1. Người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí có quyền:

- a) Gửi văn bản hoặc trực tiếp cung cấp thông tin liên quan đến lãng phí tới cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- b) Được giữ bí mật họ tên, địa chỉ và các thông tin cá nhân khác của mình;
- c) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thông báo về việc xử lý thông tin phát hiện lãng phí do mình cung cấp;
- d) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định này bảo vệ khi bị đe dọa, trả thù, trù dập;
- đ) Được khen thưởng theo quy định tại Điều 77 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và quy định tại Điều 29 Nghị định này.